

CTY CP VẬT TƯ – XĂNG DẦU
(COMECO)

Số : 1400 /VX

Về : giải trình doanh thu quý
III/11 tăng so với quý III/10

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 10 năm 2011

Kính gửi :

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh.

Căn cứ thông tư số 09/2010/TT – BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) xin giải trình với Ủy ban Chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán về việc doanh thu của công ty quý III/2011 tăng so với quý III/2010 như sau :

ĐVTính : đồng

TT	NỘI DUNG	QIII/2010	QIII/2011	TỶ LỆ
1	Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	893.921.236.360	1.209.020.185.294	135,24%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.749.016.247	13.305.807.113	104,37%

Doanh thu quý III/2011 tăng 35,24% so với quý III/2010 do giá bán các mặt hàng xăng dầu quý III/2011 tăng so với quý III/2010 cụ thể :

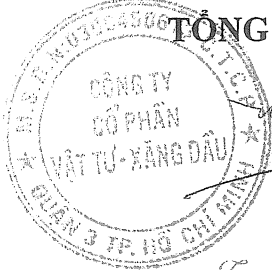
TT	QUÝ III /2011	QUÝ III/2010
1	- Xăng 95 : 21.300 đ/l	- Xăng 95 : 16.900 đ/l
2	- Xăng 92 : 20.800 đ/l	- Xăng 92 : 16.400 đ/l
3	- Dầu hoả : 20.500 đ/l	- Dầu hoả : 15.100 đ/l
4	- Dầu Do 0.25S : 20.750 đ/l	- Dầu Do 0.25S : 14.700 đ/l
5	- Dầu Do 0.05S : 20.800 đ/l	- Dầu Do 0.05S : 14.750 đ/l

Công ty cổ phần Vật tư – Xăng dầu (COMECO) xin được giải trình với quý Ủy ban và Sở giao dịch như trên.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận :

- Như trên;
- TGD;
- TKý Cty;
- P.KT-TC;
- Lưu VT.
(Tiền)

 **TỔNG GIÁM ĐỐC**
[Signature]
Trương Đức Hạnh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT QUÝ III NĂM 2011

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN:

STT	NỘI DUNG	SỐ DƯ ĐẦU KỲ	SỐ DƯ CUỐI KỲ
A	TÀI SẢN		
I	Tài sản ngắn hạn	265.481.180.791	295.869.858.845
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	22.936.221.124	34.430.430.240
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	48.579.707.000	49.020.289.800
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	101.900.717.421	81.957.714.948
4	Hàng tồn kho	83.324.158.476	123.531.142.081
5	Tài sản ngắn hạn khác	8.740.376.770	6.930.281.776
II	Tài sản dài hạn	198.845.719.870	211.893.423.536
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	194.687.719.870	208.302.423.536
	- Tài sản cố định hữu hình	109.143.006.987	111.336.568.349
	- Tài sản cố định vô hình	20.367.220.797	19.967.830.605
	- Tài sản cố định thuê tài chính		0
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	65.177.492.086	76.998.024.582
3	Bất động sản đầu tư	0	0
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	0	0
5	Tài sản dài hạn khác	4.158.000.000	3.591.000.000
	TỔNG TÀI SẢN	464.326.900.661	507.763.282.381
B	NGUỒN VỐN		
I	Nợ phải trả	107.101.332.751	150.534.300.629
1	Nợ ngắn hạn	101.427.192.400	145.262.372.145
2	Nợ dài hạn	5.674.140.351	5.271.928.484
II	Vốn chủ sở hữu	357.225.567.910	357.228.981.752
1	Vốn chủ sở hữu	357.225.567.910	357.228.981.752
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	141.206.280.000	141.206.280.000
	- Thặng dư vốn cổ phần	138.228.344.134	138.228.344.134
	- Cổ phiếu quỹ	-14.946.154.700	-14.946.154.700
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	0	0
	- Chênh lệch tỉ giá hối đoái	0	0
	- Các quỹ	40.547.283.030	46.085.084.030
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	34.958.380.103	28.638.673.303
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	0	0
	- Vốn khác	17.231.435.343	18.016.754.985
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác		
	TỔNG NGUỒN VỐN	464.326.900.661	507.763.282.381

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

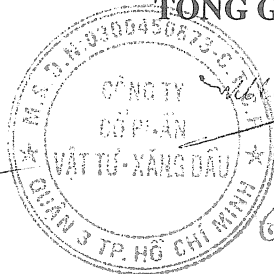
STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO	LŨY KẾ
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.209.020.185.294	3.487.392.223.905
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp d.vụ	1.209.020.185.294	3.487.392.223.905
4	Giá vốn hàng bán	1.175.405.031.167	3.382.146.467.855
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp d.vụ	33.615.154.127	105.245.756.050
6	Doanh thu hoạt động đầu tư tài chính	1.925.092.690	4.299.230.553
7	Chi phí tài chính	-5.207.166.286	10.654.255.327
8	Chi phí bán hàng	23.147.745.412	60.927.798.443
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4.293.860.578	7.315.404.738
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	13.305.807.113	30.647.528.095
11	Thu nhập khác	-	1.548.571.080
12	Chi phí khác	-	521.835.974
13	Lợi nhuận khác	-	1.026.735.106
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.305.807.113	31.674.263.201
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.156.614.279	7.288.121.501
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.149.192.834	24.386.141.700
17	Thu nhập trên mỗi cổ phiếu	738	1.773
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Tp.HCM, ngày 25 tháng 10 năm 2011

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Đức Hạnh

Nơi nhận:

- TTCK, web COM;
- T/V HĐQT, Ban TGD;
- BKS;
- P.TV;
- Lưu VT.